

CHƯƠNG 3

Những ngày lưu vong trên đất Miên

Một vài giai thoại trong hai ngày 11 và 12 tháng 11 năm 1960 mà ít người biết tới. Đầu tiên là trường hợp cựu đại tá Đỗ Mậu, giám đốc an ninh quân đội. Ông bị đơn vị của đại úy Thừa bắt vào sáng ngày 11 tại Tổng nha cảnh sát công an. Đại úy Thừa sau khi bắt được ông Mậu đã điện thoại về bộ chỉ huy xin phép được mang ông Mậu ra bắn để làm gương. Thiếu tá Lợi được tin vội cản lại và yêu cầu Thừa giữ đường sự cho tới khi xong việc sẽ đem ra xử cùng với tất cả chân tay của chế độ trước một tòa án cách mạng. Ông Đỗ Mậu tự coi có chân mạng "sinh vi tướng, tử vi thần" đã thoát chết nhờ ơn cứu tử của ông Lợi. Nếu không thì nền văn hóa Đệ Nhị Cộng Hòa đã coi cút, thiếu sự hướng dẫn của ông phó thủ tướng đặc trách văn hóa xã hội và người Việt đã không có cơ hội đọc cuốn hồi ký chính trị của một bầy tôi trung thành viết về lý do tại sao ông tận tụy phụng sự và sau đó lại lật lại ông Diệm.

Giai thoại thứ hai là về chuyến bay từ phi trường Tân Sơn Nhất sang Nam Vang. Ngoài đại úy Phan Phụng Tiên thì cho tới nay không ai ngờ tới. Trong phòng lái, chỉ có Phan Phụng Tiên và tôi là người thay chân hoa tiêu, vì tôi bằng lòng để thiếu tá Kỳ ở lại. Tất cả các sỹ quan cũng như trung tướng Hoàng ngồi phía sau. Phi cơ mới cất cánh độ 15 hay 20 phút thì đại úy Tiên báo cáo là máy nóng quá, có lẽ không bay xa được. Vì lúc đi vội vàng, Tiên quên không mở chỗ đóng lá cửa xếp (volet) nên không có thông hơi cho máy. Đèn báo động màu đỏ bật lên. Tôi bảo Tiên hãy bay thấp xuống và, nếu khi nào thấy quá nguy thì đáp xuống bất cứ một địa điểm nào. Đồng thời, theo lời Tiên, tôi lấy chân đạp và giữ chặt bàn đạp để làm chuyển động nút đóng volet. Chúng tôi không cho ai biết tình trạng phi cơ, sợ họ hoang mang thêm. Tất cả những người ngồi sau đều không hay biết gì cả. Cuối cùng, phi cơ bay là là mặt đất cũng lết được tới phi trường Pochentong, Nam Vang, sau đó độ một giờ đồng hồ.

Khi phi cơ của chúng tôi vừa đổ xuống và ngừng ở phi đạo, thì một đơn vị dù của Quân Đội Hoàng Gia Cao Miên đã vây xung quanh. Chúng tôi vừa bước xuống khỏi phi cơ thì các sỹ quan Miên và nhân viên bộ ngoại giao và nội vụ đưa chúng tôi vào ngồi đợi tại một căn phòng khách ở phi trường. Có thể nói là tinh thần một vài anh em lúc đó quá dao động. Có những người đã yêu cầu nhân viên hay sỹ quan Miên cho họ được tiếp xúc với các toà đại sứ Pháp và Hoa Kỳ để xin tỵ nạn. Có lẽ họ nghĩ rằng tỵ nạn ở một quốc gia trung lập có thể xảy ra nguy hiểm vì sợ chánh quyền Miên trả về cho chánh phủ Việt Nam chẳng. Dĩ nhiên là những yêu cầu đó không thể nào thỏa mãn được. Một phần, không một cơ quan đại diện ngoại giao nào tự nhiên lại nhận những người vừa đảo chánh một chánh quyền mà họ đang giao hảo. Phần khác, chánh quyền miền Nam lúc đó đang có những tranh chấp với nhà cầm quyền Cao Miên nên về mặt ngoại giao. Sau vụ ông Diệm cho mật vụ mang vàng sang tổ chức phối hợp với tướng Dap Chuon tìm cách lật đổ ông hoàng Sihanouk, nên việc nhóm sỹ quan chúng tôi bay sang tỵ nạn ở Nam Vang dĩ nhiên là một vấn đề gây khó khăn thêm cho chánh quyền Miên.

Trên chuyến phi cơ bay sang Nam Vang tỵ nạn có tất cả 16 sỹ quan kể cả tướng Thái Quang Hoàng bị bắt đi theo làm con tin. Trong số đó có những người ở trong tổ chức chuẩn bị đảo chánh là các thiếu tá Nguyễn Huy Lợi, Nguyễn Văn Lộc, Phạm Văn Liễu, Nguyễn Công Khanh, các đại úy Trần Đình Vy, Nguyễn Tiến Lộc, Nguyễn Kiên

Hùng, Phó Quốc Chụ, Phan Phụng Tiên và trung úy Trần Đình Vượng. Ngoài ra là những sĩ quan đã tham gia hoặc bị cưỡng bức đi theo sau khi cuộc đảo chánh đã bùng nổ như đại tá Nguyễn Chánh Thi, thiếu tá Nguyễn Quốc Tuấn, trung úy Đỗ Đức Hạnh, thiếu úy Lê Văn Toán. Thấy công cuộc đã thất bại nên họ cũng buộc phải bước lên phi cơ đi theo một cuộc phiêu lưu mà không lường được tương lai sẽ ra sao. Hai ngày sau, bằng đường bộ qua Gò Đầu Hạ, đại úy Phan Lạc Tuyên với trung úy Nguyễn Công Minh, thiếu úy Thái Trần Trọng Nghĩa và trung sĩ Nguyễn Trọng Thức cũng lên Nam Vang và được đưa vào ở chung căn trại với chúng tôi, nằm trên đường Monivong.

Khách quan mà nói, trừ một thiểu số vì có chuẩn bị tinh thần trong suốt thời gian tổ chức nên ý thức được và chấp nhận hậu quả của việc thất bại đối với cá nhân mình. Phần còn lại thì hôm trước hôm sau mất tất cả, nghề nghiệp, địa vị, lo ngại cho gia đình nên nếu tinh thần có dao động, hoang mang thì cũng là điều dễ hiểu và là phản ứng tự nhiên của một người bình thường. Với tính hào phóng sẵn có và có thiện ý muốn chia ngọt sẻ bùi với anh em trong cảnh lưu vong, thiếu tá Lợi có một số tiền mang theo phòng bất trắc - hình như gần 20 ngàn đồng - đã đem chia đều cho mọi người. Nhưng cử chỉ đó lại được một vài người đánh giá một cách thiên lệch, rĩ tai vài người là Lợi tìm cách mua chuộc anh em!

Căn trại mà chánh quyền Cao Miên đưa chúng tôi đến là căn trại của sĩ quan Miên và gia đình ở, thường được gọi là Camp Tobrouk. Họ trưng dụng nguyên một căn nhìn ra đường Monivong gồm độ gần hai chục căn phòng để chúng tôi vừa làm phòng ngủ và phòng ăn. Một đại đội lính dù canh gác chung quanh và đặt trực tiếp dưới quyền quản trị của Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Hoàng gia Cao Miên, chứ không thuộc quyền của cơ quan dân sự. Hàng ngày có tiệm ăn Thái San mang cơm cho chúng tôi. Gần hai năm, ngày nào cũng ăn cơm hiệu, bữa nào cũng đồ xào nên sức khỏe của mọi người không lấy gì làm khả quan cho lắm. Nhiều anh em không hút thuốc lá - mỗi ngày mỗi người một bao - giữ lại được kha khá thì nhờ lính canh gác bán hộ, lấy tiền mua báo hay buổi tối nhờ lính gác đi mua cho bát hủ tíu Nam Vang để ăn cho thay đổi chút ít thực đơn hàng ngày.

Nhìn lại dĩ vãng và suy nghĩ về tình trạng chúng tôi khi lưu vong ở Nam Vang, tôi nhận thấy tôi đã mắc sai lầm về mặt lãnh đạo trong những ngày đầu ở xứ người. Quan niệm rằng cuộc đảo chánh đã thất bại, nay nếu vạch ra những lý do thất bại trong lúc tinh thần mọi người còn dao động có thể làm chia rẽ thêm anh em nên tôi đã bỏ qua không đề kiểm thảo, phê bình và xác định vai trò của mỗi người. Nhưng chính đó lại là nguyên nhân của nhiều chuyện đáng tiếc về sau. Đáng lẽ ra, như sau bất cứ một cuộc hành quân nào, tôi phải tập hợp cán bộ phân tích lý do thắng bại. Tôi đã không làm việc đó. Dĩ nhiên trách nhiệm chính vẫn là tôi, nhưng nếu có kiểm thảo phân tích thì những sĩ quan không ở trong bộ tham mưu đảo chánh hoặc những người tham gia về sau đã biết được những gì đã xảy ra trong đêm ngày 10 tháng 11, như tôi đã viết ở phần I, và hiểu rõ những lý do khiến Hội Đồng Cách Mạng đã đi đến giải pháp điều đình.

Do đó, một số anh em không hiểu rõ vị trí ông Thi cũng như tình trạng nói trên, nên đã bị ảnh hưởng vì những lời xuyên tạc của chính những người đã không làm tròn nhiệm vụ giao phó như Phạm Văn Liễu, Nguyễn Kiên Hùng. Tôi không giao thiệp với Phạm Văn Liễu và chỉ biết đương sự khi ông Nguyễn Huy Lợi giới thiệu y vào tổ chức. Sau thời gian ngắn ở Phnom Penh thì tôi nhận xét Liễu thuộc loại người "bề ngoài thơn thớt nói cười" nhưng hay đổ ky, xui nguyên giục bị, lúc nào cũng lo tìm cách chia rẽ để kéo bè kéo cánh. Liễu không có cái nhìn xa, sâu rộng mà chỉ có những cái tiểu xảo.

Hành động trên đã được sự hưởng ứng của ông Thi. Thật ra thì ông ta cũng đáng thương. Vì không am tường tình hình ngày 11 tháng 11 năm 1960, nên đã tính sai một nước cờ thành ra bao nhiêu công sức tạo nên địa vị nhờ chế độ Nhân Vị, nay trở thành công dã tràng.

Công bằng mà nói thì trong suốt thời gian bị giữ, chánh quyền Cao Miên không một lần nào đã động đến chuyện yêu cầu chúng tôi nói về tổ chức cũng như về các nhân vật đã tham gia cuộc đảo chánh. Ở đây tôi muốn chứng nhận là Thái Tử Sihanouk và chánh quyền Miên thời đó đã có thái độ đúng đắn với những người tỵ nạn như chúng tôi, theo như các luật lệ quốc tế. Tôi thừa dịp này để nói lên lời cảm ơn của cá nhân tôi về cách đối xử của Thái Tử Sihanouk đối với anh em chúng tôi trong những ngày tỵ nạn. Trước ngày rời Phnom Penh cuối năm 1964, tôi có gửi một bức thư cảm ơn Thái tử

Sihanouk đã hai lần để tôi tỵ nạn trên đất Miên.

Trong những ngày đầu của cuộc sống tỵ nạn tại Nam Vang, tôi rất bận rộn trong việc trả lời phóng viên các báo ngoại quốc đến phỏng vấn. Lý do thất bại tôi nêu lên là đơn vị thiết giáp đến giờ phút cuối đã phản lại cuộc đảo chính. Tôi cố ý tránh không nói đến những thiếu sót trong nhiệm vụ của bất cứ ai, và nhấn mạnh về trách nhiệm về toàn bộ là trách nhiệm của riêng tôi. Với thiện ý không muốn để ông Thi cảm thấy tự ti, một hôm tôi để ông Thi trả lời một phóng viên báo - hình như Max Clos hay Lartéguy, tôi không nhớ rõ - có quen biết ông Thi lúc còn ở quân đội Pháp. Câu hỏi là "Ông tính gì về tương lai?". Câu trả lời của ông Thi là sẽ xin đăng lính Lê Dương. Vì vậy từ những ngày sau đó, không dám để đương sự trả lời báo chí.

Trước ngày tướng Hoàng được trao trả về Việt Nam, tôi có đàm luận cùng đương sự về việc chúng tôi làm và yêu cầu đương sự về nói lại với ông Diệm là chúng tôi hoàn toàn trách nhiệm về hành động của chúng tôi, còn gia đình thì không dính líu một chút gì trong đó. Tướng Hoàng khi trở về Việt Nam có chuyển lời lại với tổng thống Diệm và hình như ông Ngô Đình Nhu không lấy gì làm vừa lòng lắm về thái độ của ông Hoàng. Ông Thái Quang Hoàng là một người có tư cách đàng hoàng. Tôi và ông ta cùng học trường Tham Mưu Paris năm 1952 cùng với Tướng Dương Văn Minh, Dương Văn Đức, Phạm Xuân Chiêu, Linh Quang Viên, nên khi trung tá Huỳnh Văn Cao, sau này lên tướng, báo cáo tôi phá đảng và phá tuyến cử thì ông Hoàng cho tôi biết để đề phòng, đồng thời trình lên ông Nhu là chuyện đó không có căn cứ.

Cuối tháng Giêng hay đầu tháng Hai năm 1961, ông Trần Đình Lan, cựu trung tá Quân Đội Quốc Gia VN, đại diện ông Hồ Thông Minh, Chủ tịch Lực Lượng Tự Do, hậu thân của đảng con ó thời 1954-1955, nguyên bộ trưởng quốc phòng trong chánh phủ đầu tiên của ông Diệm, lúc đó đối lập với ông Diệm, sang Nam Vang và xin nhà cầm quyền Miên để được gặp chúng tôi. Đây là lần đầu tiên tôi gặp trung tá Lan vì khi ở Bắc di cư vào Nam thì ông ta đã lưu vong rồi. Hơn nữa sau hiệp định Genève 1954, những sĩ quan di cư như chúng tôi không có mấy thiện cảm với giới lãnh đạo quân sự ở Tổng tham mưu, có lẽ vì thành kiến sai lầm cho họ là "Tây quá" và không đại diện trung thực cho tinh thần quốc gia. Về sau tôi không gặp lại ông ta. Kể cả khi ông Lan về Sài Gòn năm 1963 lúc chế độ Nhân Vị đã bị lật đổ và bị bắt sau vụ chính lý của tướng Khánh. Tới cuối năm 1966, tôi mới lại gặp lại ông Lan lần thứ hai và sau đó mới giao thiệp với ông ta nhiều hơn. Tôi vẫn giữ một kỷ niệm tốt về ông Lan.

Trong buổi gặp gỡ đầu tiên giữa ông Lan và tôi ở Nam Vang câu chuyện không ngoài việc xã giao thường lệ giữa hai người chưa quen biết nhau nhiều. Ông Lan trình

bày về mục đích của tổ chức mà ông ta đại diện và muốn biết về nguyên nhân thất bại của cuộc đảo chánh. Đồng thời cũng hỏi về vai trò của ông Thi. Tôi trả lời sơ qua là ông Thi cũng có tham gia nhưng không đề cập tới việc ông ta bị ép buộc vì thấy cũng không ích lợi gì, nhất là đối với một người không quen biết lắm. Ông Lan sau cũng có xin gặp ông Thi. Sau buổi gặp gỡ giữa hai người, ông Thi nhờ ông Lan chuyển đến ông Hồ Thông Minh một bức thư đề ngày 18-2-1961, với nội dung là: "*Nhân danh tôi Đại tá Nguyễn Chánh Thi, Tư Lệnh Liên Đoàn Nhảy Dù và toàn thể các sĩ quan đã tham dự cuộc đảo chánh, xin triệt để hoan nghênh và ủng hộ Lực Lượng Tự Do Việt Nam do ông lãnh đạo, ngõ hầu tranh đấu chống độc tài v.v...*" (Xem phụ lục của Đại tá Thi đính kèm). Phải chăng vì không muốn để ai biết việc này nên trong cuộc chỉnh lý đầu năm 1964, ông Thi đã bắt ông Lan, đánh phủ đầu và trục xuất ông ta sau đó.

Ông Trần Đình Lan về Sài Gòn sau ngày chế độ ông Diệm bị lật đổ. Theo ông Đôn viết trong Việt Nam nhân chứng thì ông Lan được HĐQNCM cho phép về Việt Nam để thăm bà cụ thân sinh ra bà Lan bị bệnh. Tướng Nguyễn Văn Vỹ, cũng lưu vong ở Pháp về được chỉ định làm phụ tá tổng tham mưu trưởng về huấn luyện. Tướng Vỹ đã "bảo đảm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về hành động của ông Lan." (sđd, trang 253 và 254)

5 tháng sau khi ty nạn, ngày 26-4-1961, các ông Thi, Liễu, Phan Lạc Tuyên, Nguyễn Kiên Hùng đã gửi cho bộ trưởng quốc phòng Cao Miên một lá đơn không công nhận Hội Đồng Cách mạng mà tôi là người lãnh đạo và đại diện như sau: "*Đại tá Nguyễn Chánh Thi, thuộc Quân Lực Cộng Hoà VN,*

*Kính gửi Ông Bộ Trưởng Quốc Phòng, Chánh Phủ Hoàng Gia Khmer,
...Qua lá đơn này, tôi xin tuyên bố không công nhận cái gọi là HĐCM, mà trung tá Vương Văn Đông đã nhiều lần tuyên bố là người lãnh đạo và là người đại diện của chúng tôi đối với nhà cầm quyền Khmer. Đồng thời, tôi khước từ mọi ảnh hưởng cũng như trách nhiệm xuất phát từ lời nói và hành động của Trung tá Đông...".* (Nguyên văn như sau: "*...Par la présente demande, je déclare de ne pas reconnaître le soi-disant "Comité Révolutionnaire" dont le Lt Colonel Vương Văn Đông s'est déclaré maintes fois comme notre chef et notre représentant à l'égard de l'autorité Khmer. En même temps je décline toute influence ainsi que responsabilité émanant des paroles et actes du Lt Colonel Đông...".* Tôi được biết là đơn trên do Phan Lạc Tuyên viết và ông Thi ký tên.

Những lá đơn của các sĩ quan nói trên thì thêm câu: "*...trong tinh thần kính trọng cấp bậc, tôi xin ông Bộ Trưởng coi đại tá Thi, nguyên Tư Lệnh Liên Đoàn Nhảy Dù là người đại diện của tôi..*" Điều này cũng dễ hiểu vì những người viết lá đơn này là những người mà hành động trong ngày 11 tháng 11 đã được nêu lên ở phần trên.

Thiếu tá Nguyễn Công Khanh thuộc binh chủng Quân Cảnh, một sĩ quan được Lợi kết nạp từ trước cũng làm đơn gửi lên Bộ Quốc Phòng Miên như trên. Sau có lẽ vì vấn đề gia đình đã trốn khỏi căn trại và ra trình diện Toà Đại sứ Việt Nam ở Nam Vang để xin được trả về nước. Nhưng khi về tới Việt Nam thì cũng bị cầm tù cho tới ngày chế độ Nhân Vị bị lật đổ mới được thả ra. Tôi cho đây là nguyên nhân nhà cầm quyền Cao Miên đã chia số sĩ quan ty nạn sang Nam Vang làm 3 toán ở trong 3 căn trại khác nhau của sĩ quan Miên. Sự thật khác hẳn những gì đại tá Thi đã viết trong cuốn hồi ký "Một trời tâm Sự " là chúng tôi thân thiện với nhà cầm quyền Cao Miên cốt được ưu đãi, còn để những người khác bị cầm tù, giam giữ v.v.. hoặc ông Trần Đình Lan đã xin Pháp đón tôi sang Pháp trong lúc anh em còn bị tù. (xem ngày tôi được trả tự do qua báo NYT và ngày tôi tới Pháp)

Tình trạng chia rẽ giữa các sĩ quan cùng tỵ nạn không đẹp đẽ lắm trước mắt người Miên, làm giảm thiện cảm của họ, đáng chê trách về mặt luân lý nhưng cũng dễ hiểu về phương diện tâm lý. Vì sau vài tháng, tinh thần bớt dao động và hết nỗi lo sợ bị nhà cầm quyền Miên trả về Việt Nam, anh em hết ăn lại ngủ, rồi rãi nên bắt đầu thấy tù túng, nghĩ tới gia cảnh và tự nhiên thấy tội và thiếu tá Lợi là nguyên nhân tai họa của họ. Điều đó cũng chỉ là điều bình thường của tình người. Hiện tượng này cũng chứng tỏ sự thiếu kiên trì và nhân cách của một số cán bộ quốc gia.

Biết vậy, nên tôi cố gắng xin được gặp ông Pen Nouth, thủ tướng chánh phủ Khmer để yêu cầu được trả tự do sớm. Trong khi chờ đợi, yêu cầu được luân phiên mỗi tuần để 2 hoặc 3 sĩ quan được đưa ra phố mua sách báo v.v.. Yêu cầu thứ hai được chấp thuận ngay. Ông Pen Nouth cũng hứa sẽ nghiên cứu yêu cầu thứ nhất khi hoàn cảnh ngoại giao thuận tiện. Nhưng một số anh em sốt ruột không chờ đợi được lâu nên đã nghe theo ông Liễu và ông Thi, gửi đơn đến nhà cầm quyền nhờ chuyển đơn xin tỵ nạn tại Hoa Kỳ và tại Pháp. Tôi không biết là đơn xin có được chuyển tới các quốc gia trên hay không, nhưng chắc chắn không có kết quả vì không thấy hồi âm.

Trong hoàn cảnh đó, tinh thần của tôi cũng rất căng thẳng. Phần thì thấy anh em chia rẽ mà mình không có phương tiện gì để có thể hàn gắn, hầu giữ được phần nào phẩm cách sĩ quan Việt Nam trước mắt người Miên. Phần thì buồn về cung cách của một vài người. Tôi mất tin tưởng vào người quốc gia có lẽ cũng từ hoàn cảnh đó. Những người mang danh sĩ quan và cách mạng, vừa trải qua tình trạng tuy khó khăn, nhưng không lấy gì là bi đát lắm, đã không đủ kiên trì và xử sự cho xứng đáng tư cách của một sĩ quan.

Mặt khác, tôi rất lo ngại không biết số phận của vợ con ra sao mà gần 8 tháng không được một tin tức gì. Những người khác thì biết vợ họ có bị bắt giữ trong ít lâu nhưng đã được trả tự do từ lâu. Người chị ruột tôi ở Pháp cho biết là không có tin gì của vợ tôi cả. Nghĩ lại thời gian tổ chức cuộc đảo chánh, tôi ý thức rằng bất cứ người vợ nào của chúng tôi đều mang một tâm sự chung và lo ngại cho tương lai gia đình nếu công cuộc thất bại. Cái lo ngại chính đáng của bất cứ một phụ nữ nào. Nhưng cũng không một người vợ nào đã ngăn cản sự chọn lựa của các bạn tôi. Đối với tôi, một bên là gia đình, một bên là nghĩa vụ, nhưng trong một hoàn cảnh đặc biệt, bắt buộc phải chọn một vì không thể thỏa mãn cả hai. Tình trạng đó là tình trạng xâu xé lòng người, trạng thái giằng co giữa nước và nhà. Tôi nghĩ rằng đó cũng là tâm trạng của tất cả những người của mọi thế hệ cùng chung hoàn cảnh như tôi.

Nói chung, người phụ nữ Việt Nam bất cứ thuộc thành phần nào, trong suốt dòng lịch sử, luôn luôn chứng tỏ lòng can đảm, dạ trung thành, tinh thần hy sinh cho chồng cho con. Chỉ cần nhìn lại gần đây cảnh những thiếu phụ trước đây sống cuộc đời yên ổn, nay chạy ngược, chạy xuôi buồn bán để nuôi chồng, nuôi con, nuôi anh, nuôi em trong tù. Hoặc lặn lội hàng trăm cây số nơi thâm sơn cùng cốc để thăm chồng, thăm anh em trong những trại cải tạo, thì thấy họ là những người tiêu biểu cho phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam từ ngàn xưa, xứng đáng được tôn trọng. Trước đây, có thể nói cụ bà Phan Bội Châu là một biểu tượng sáng chói về đức hạnh của người phụ nữ Việt Nam. Sau hai mươi năm xa cách, khi Pháp giải cụ Phan qua ga Vinh, cụ bà chỉ gặp cụ ông trong nửa tiếng đồng hồ. Và câu nhắn nhủ của cụ bà với ông là: "*Nay được một lần gặp mặt thấy là tôi mãi nguyện rồi. Mong thầy giữ được lòng thầy như xưa. Còn việc gia đình đã có tôi lo liệu, đừng nghĩ chuyện vợ con nghèo túng*". Nhưng người phụ nữ

Việt Nam không phải chỉ trung thành với gia đình mà còn trung thành và dám hy sinh vì tổ quốc. Người phụ nữ Việt Nam đã để lại nhiều trang sử chói lọi trong quá trình bảo vệ tổ quốc. Có thể nói không quá cường điệu là người phụ nữ Việt Nam là tường thành bảo vệ truyền thống và bản sắc dân tộc, là keo sơn giữ cho sự tồn tại của gia đình và đất nước.

Không biết sự sống còn của vợ con ra sao là tình trạng day dứt lòng người. Tuy nhiên không muốn để tinh thần anh em bị lung lạc vì nỗi lo ngại của mình nên tôi vẫn phải giữ một thái độ bình tĩnh, thản nhiên. Hơn nữa còn phải để tâm trí vào việc can thiệp với nhà cầm quyền Cao Miên về những vấn đề hàng ngày cho anh em. Cho tới một hôm, vào khoảng 8 tháng sau khi chúng tôi tới Nam Vang, đang ngồi nhìn ra đường tôi thấy một thiếu phụ trẻ ăn mặc như người thợ làm đồn điền, đứng ngoài hàng rào vẫy vẫy tay. Tôi đang ngạc nhiên thì đại úy Phó Quốc Chụ bảo tôi là "ai trông như bà Đông". Tôi lúc đó mới nhận ra là vợ tôi đã trốn được sang Nam Vang tìm chồng. Tâm trạng tôi lúc đó thật khó tả. Vừa mừng vừa thương vợ vì mình mà lao khổ. Tôi chạy ra cổng trại yêu cầu hiến binh canh gác để cho vợ tôi vào căn trại. Vợ chồng gặp nhau mừng mừng tủi tủi nhưng đồng thời tôi lại nghĩ đến tâm trạng của những người khác cũng đang lo lắng về nỗi xa nhà, xa gia đình. Tôi lắng nghe vợ tôi kể lại những nỗi đoạn trường trong thời gian trốn tránh và những hiểm nguy hay những may mắn được gặp những người nông dân có tâm địa tốt, thương tình giúp đỡ, chỉ bảo và cho áo để tránh hình làm phu đồn điền khi vượt biên.

Trong thời gian vẫn còn bị giữ trong căn trại của sĩ quan Miên, phần lớn chúng tôi buồn hơn vui. Phần đông anh em thường tránh nhắc đến chuyện gia đình. Và cũng không phải lúc nào cũng nói đến chuyện chính trị, trừ khi theo dõi biến chuyển của đường lối Hoa Kỳ về Việt Nam hoặc những tin liên quan đến chế độ ở Việt Nam, đặc biệt về số phận của những anh em bị tù đầy. Nhưng sống chung nhiều lúc anh em cũng có những trò tình nghịch để phá nhau như hồi còn học trong trường. Có bạn đã lấy dầu cù là bôi vào đũng quần cụt của một ông bạn phơi ở ngoài sân. Một lúc sau, khi tắm xong chúng tôi thấy ông bạn chửi bới om sòm làm cả bọn cười chảy nước mắt.

Sau khi tất cả các sĩ quan của vụ 11 tháng 11 năm 1960 tỵ nạn ở Nam Vang được nhà cầm quyền trả tự do vào đầu năm 1962, mỗi người đều lo tìm thuê nhà và tìm cách sinh nhai. Ngày được tự do đi lại, tôi nhìn con đường Monivong thấy nó có bộ mặt khác hẳn, không như khi ngồi phía trong nhìn ra mà không được tự do đi ra. Bây giờ nhìn con đường rộng, với hai bên đường những cây me lớn có bóng mát, sao tôi thấy nó đẹp đẽ và hiền hoà, trái với cảnh buồn tẻ khi trước nhìn nó qua hàng rào chắn ngang, ngăn cản tự do của mình. Hai anh em Phó Quốc Chụ và Phan Phụng Tiên ở chung với vợ chồng tôi. Tiên kiếm được một việc làm cho một hãng tư, nhưng được ít lâu thì cũng mất việc. Tôi thì gõ đầu trẻ, dịch báo và sau mở một lớp dạy tiếng Pháp cho một số anh em công nhân trẻ tuổi sinh đẻ ở Nam Vang. Những anh em này khi biết tin tôi đi Pháp thì rất buồn, có người đã ôm tôi khóc nức nở. Trong thời gian dạy họ học, thấy tội nghiệp nên tiền học cứ mỗi ngày tôi lại giảm đi. Thấy chỗ chúng tôi ở chật hẹp, họ đã tự ý đến lợp thêm ra sân hiên cho chúng tôi một phòng. Đó là kỷ niệm vui, rọi một tia nắng ấm vào cuộc sống lưu vong của chúng tôi trên Nam Vang. Tiền thu cũng thất thường nên anh em cũng bữa đói bữa no. Vợ tôi thuê và may quần áo trẻ con để bán. Có một bà Việt Nam tháng nào cũng cất hàng và nói là nhiều người ưa thích kiểu thuê đó. Nhiều lúc chúng tôi nghĩ không hiểu có đúng không hay là bà ta muốn gián tiếp giúp đỡ anh em chúng tôi. Ngoài ra nhờ bà chị ruột ở Pháp thỉnh thoảng gửi cho ít tiền nên

cũng đỡ phần nào. Một giai thoại có thể cười ra nước mắt là khi vợ anh Lợi trốn lên Cao Miên bị công an Miên bắt đem về Nam Vang. Biết tin, vợ tôi nhờ hiến binh chở ra thăm chị Lợi ở trại giam ty công an. Trông thấy vợ tôi, chị Lợi kêu to lên: " Bà Đông ơi, bà cứu tôi ra với". Vợ tôi trả lời là vợ tôi cũng đang bị giữ ở trong căn trại quân đội. Nhưng chúng tôi đang lo để mang chị Lợi về ở cùng một nơi. Thấy vợ tôi nói vậy, chị Lợi ngạc nhiên bảo: "*Sao báo Sài Gòn Mai của Ngô Quân viết là bà được ông Sihanouk mê và cho độc quyền than củi ở Nam Vang?*". Anh Lợi và Lộc cũng tìm được chỗ dạy học còn chị Lợi thì làm tiếp viên cho một hãng hàng không.

Cùng thời điểm, Bác sĩ Phạm Huy Cơ, chủ tịch đảng Dân Chủ Tự Do Việt Nam thành lập ở Pháp, tuyên bố có liên hệ với tổ chức của Bác sĩ Phan Quang Đán, sang Nam Vang thành lập Ủy Ban Quốc Gia Cách Mạng Việt Nam ngày 2 tháng 8-1962 (Xem thành phần chi tiết ở tài liệu đính kèm). Trong số những nhân vật của ủy ban nói trên có ông Thi, thiếu úy Nguyễn Văn Cử, ông Phạm Công Lăng, ông Trần Thế Xương và một số những người ở Pháp. (Những người này, chưa hề có quá trình tranh đấu dù chỉ là tranh đấu salon, có thể chỉ là người quen biết vì nể bạn nên đã đứng tên trong danh sách) Thiếu úy Cử là sĩ quan không quân đã cùng trung úy Quốc ném bom Dinh Độc Lập để hành thích gia đình ông Diệm năm 1962. Ủy ban nói trên sang cù lao trên sông Mekong trước Nam Vang chụp ảnh và tuyên bố là họp ở hải phận Việt Nam. Dù dễ dãi tới đâu thì người ta cũng phải công nhận ông Phạm Huy Cơ, với tư cách một người lãnh đạo, đã lộ bịch khoe khoang tiền tài trong buổi họp báo và, không hiểu gì về môi trường chính trị, ngoại giao ở Phnom Penh.

Dưới chế độ trung lập Sihanouk, vấn đề ngoại giao với Việt Nam Cộng Hoà rất tế nhị và chông gai. Họ không chấp nhận một vài người họp báo tuyên bố tổ chức lực lượng chính trị trên đất Cao Miên để lật đổ VNCH, nên đã trục xuất ông Cơ, mặc dầu trong cuộc họp báo, ông Cơ tuyên bố sẽ đề nghị giải thưởng Nobel Hoà Bình cho Thái Tử Sihanouk. Ông Cơ tuyên bố khi nắm chánh quyền ở Sài Gòn, sẽ không quên cho dựng ở biên giới Việt Miên một đài kỷ niệm tình hữu nghị của hai nước. Văn phòng ông Sihanouk đã ra thông cáo là "*Quốc Trưởng Sihanouk không cho phép một ai đề nghị giải thưởng cao quý đó...*" cho ông ta.

Chương trình chính trị của ủy ban nói trên gồm một bản tuyên ngôn với nội dung phải nhanh chóng lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm mà bản chất không khác gì với Việt cộng để có thể chống cộng hữu hiệu. Trong tập tài liệu độ 20 trang giấy, BS Phạm Huy Cơ cho phát hành bằng tiếng Anh, để giới thiệu Đại Hội Quốc Gia Cách Mạng Việt Nam. Tập tài liệu gồm bản tuyên ngôn nói trên, bản kêu gọi của ông ta cho đồng bào yêu cầu gia nhập phong trào cách mạng đồng đảo để lật đổ chế độ miền Nam và một bản của ông Thi kêu gọi sĩ quan và quân nhân Hoa Kỳ hãy giúp dân tộc Việt Nam thành lập một chánh quyền như họ mong muốn. Phần còn lại khoảng 14 trang là những phóng ảnh các bài báo Hoa Kỳ và Pháp nói về cá nhân bác sĩ Cơ. Người đọc có cảm tưởng là tài liệu này không phải để cho dân chúng Việt Nam đọc mà nhằm mục đích giới thiệu với dư luận Hoa Kỳ cá nhân ông Cơ như một ứng cử viên có khả năng thay thế ông Diệm. Nhưng rồi chương trình cũng như tổ chức của ông Cơ không khác gì những bong bóng nước của trận mưa rào, tan biến, trôi theo dòng nước mưa. Sau vụ này, có lẽ thất vọng về giới chính khách quốc gia nên đại úy Phan Lạc Tuyên, trung úy Nguyễn Công Minh và thiếu úy Thái Trần Trọng Nghĩa, cháu của ông Trần Thế Xương đã liên lạc với những người của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam. Sau ngày chế độ nhân vị sụp đổ, 3 sĩ quan nói trên đã ở lại đất Miên và được Mặt Trận đưa vào vùng của họ. Đại úy

Tuyên sau được đưa ra Bắc và được sang Tiệp Khắc học về khảo cổ. Thiếu úy Nghĩa bị chết trong một cuộc oanh tạc của Hoa Kỳ. Nhưng có nguồn tin khác là Nghĩa đã tự tử. (Trung úy Nguyễn Công Minh được đưa ra làm đại diện sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ yêu nước sau buổi ra mắt của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Nam Việt Nam ngày 8 - 6 -1969).

Thời gian chúng tôi sống ở Nam Vang sau khi được trả tự do, vài nhân vật chính trị lưu vong trên đất Chùa Tháp cũng có tìm đến liên lạc với dụng ý muốn lôi kéo chúng tôi vào hàng ngũ. Nhưng đồng thời cũng có những người muốn giúp đỡ anh em tìm kế sinh nhai với một tinh thần đồng bào hoàn toàn không vụ lợi. Hồi chúng tôi còn bị giữ chưa được trả tự do, ông Lưu Đức Trung cũng lưu vong trên đất Chùa Tháp và hình như là nhân vật của Quốc Dân Đảng có gửi tặng anh em sĩ quan mỗi người một chiếc áo sơ mi. Vì không có tự do nên tôi rất tiếc là không có cơ hội để đàm đạo và cảm ơn ông ta. Thiếu tá Nguyễn Huy Lợi và tôi với một số anh em khác tuy vậy cũng rất thận trọng trong sự tiếp xúc, ý thức rằng phần lớn những nhân vật đã chịu sống lưu vong từ lâu, xa thực tại của đất nước thì không còn khả năng chính trị và ảnh hưởng gì nữa với quần chúng trong nước. Hơn nữa, có nhiều nhân vật mà chúng tôi không biết quá khứ ra sao. Ông Nguyễn Tôn Hoàn qua một người thân ở Nam Vang cũng gửi thư liên lạc với tôi. Sau này, hồi tháng 5 hay tháng 6 năm 1963, ông ta có mời tôi lại gặp ở tiệm ăn của ông ta tại đường Montagne St Geneviève, quận 5, Paris. Tại nơi đó, tôi gặp ông Hoàn và ông Nguyễn Ngọc Huy. Sau một hai giờ nói chuyện về tình hình và đường lối ông ta chủ trương theo đuổi, tôi ra về với mối thất vọng và thấy rằng người ta đã xây dựng nên nhiều huyền thoại về giới lãnh đạo đảng phái chính trị quốc gia.

Ở Nam Vang, sau khi được trả tự do, có một nhân vật chính trị lưu vong mà tôi có nhiều cảm tình là anh Thành Nam Nguyễn Long, một chức sắc cao cấp của Hoà Hảo, trốn lên Cao Miên đã lâu năm. Cũng như bất cứ một chính khách nào, họ đều có những toan tính riêng, nhưng anh Thành Nam luôn luôn tỏ ra đứng đắn, thành thật, không có những tiểu xảo như một số người khác. Chúng tôi trong những thập niên sau vẫn giữ được tình bằng hữu chân thật với nhau. Còn một người quen biết nữa là anh Alain Châu, tên thật là Ngô Quang Châu, bút danh là Việt Trần khi viết cuốn sách "Tại sao tôi tìm tự do". Tôi không quên tình cảm thân hữu và trân trọng anh dành cho tôi.

Có thể nói rằng qua kinh nghiệm sống, có cơ hội nhận xét gần giới quân nhân và chính khách quốc gia lưu vong cũng như ở trong nước, tôi thật tình bắt đầu thất vọng và không tin tưởng rằng họ có thể đạt được kết quả gì trong sự nghiệp tranh đấu cho dân chủ và dân tộc. Không có cơ sở lý thuyết về quốc gia, về nhu cầu chính trị và nhu cầu xã hội, thiếu một chương trình chính trị rõ rệt, ngoài chủ trương chống cộng sơ đẳng nên những đảng phái quốc gia không tạo được cơ sở quần chúng. Phần lớn không có tầm nhìn xa và vô vụ lợi, nên quanh quẩn chỉ nhìn vấn đề đất nước qua mối lo lắng cá nhân. Ngoại trừ giới chính trị và quân sự giáo phái có một số giáo đồ, nhưng giữa cộng sản, Pháp hoặc quốc gia, các thành phần giáo phái này cũng đã nhiều phen thỏa hiệp với bên này, bên kia nên không lấy được lòng tin của dân chúng về phương diện chính trị. Quân đội quốc gia thì nhìn các lực lượng giáo phái như một loại sứ quân, không mấy thiện cảm. Các đảng phái quốc gia không có được quần chúng vì mục tiêu tranh đấu không đáp ứng được những đòi hỏi về nhu cầu cải tạo đời sống hàng ngày của họ. Hơn nữa, lối sống của cán bộ đảng quốc gia là lối sống tiểu tư sản hay trường giả nên không trực tiếp với đời sống của những tầng lớp lao động hay nông dân. Như đã có dịp trình bày ở phần trên, hoạt động chính trị của họ chỉ nhằm vào lớp công chức hay

có học thức ở thành thị nên khó có thể làm thành những khối áp lực đối với chánh quyền. Vì thiếu thực lực nên phần lớn các chính khách quốc gia thường đi tìm hậu thuẫn ở các thế lực ngoại quốc đang chi phối đời sống chính trị trong những thời điểm vừa qua. Nhưng cái chính mà tôi linh cảm thấy là những thành phần này cũng không tin tưởng vững chắc vào lý tưởng mà họ muốn theo đuổi, nên thiếu quyết tâm đạt tới mục tiêu. Ai cũng nói chống độc tài và muốn dân chủ. Nhưng mỗi người hiểu bản chất dân chủ một cách khác nhau. Dân chủ cho cá nhân mình hay cho toàn thể? Bản thân mình có thấm nhuần tư tưởng dân chủ không?

Ở đây cũng phải nên đề cập tới danh từ quốc gia đã được sử dụng từ 1948 cho chế độ của Cựu Hoàng Bảo Đại. Giới tự nhận là quốc gia nhưng chưa bao giờ cho nó một nội dung rõ rệt về lý thuyết. Ở thời điểm đó, vì không điều đình được với Việt Minh nên Pháp đã dựng lên lá bài Bảo Đại - một chánh quyền hình thức nhưng không hồn, không có thực quyền - và gán cho chế độ đó danh hiệu quốc gia vì nó là phản đề với danh từ cộng sản. Đúng lúc thế giới vừa chia làm hai phe cộng sản và thế giới tự do. Có lẽ vì thế nên giới không cộng sản cứ lúng túng mãi trong mâu thuẫn về lý thuyết quốc gia, ai là người quốc gia, ai là công cụ của các thế lực ngoại bang trên chính trường Việt Nam. Thực chất của chủ nghĩa quốc gia có phải nằm trong phạm trù "văn hoá và dân tộc" hay trong quan điểm "lãnh thổ"? Có phải vì thế nên quan điểm trên đã tạo ra chất keo sơn, ý chí sắt đá làm cho người Việt sau bao lần bị đô hộ, chịu ảnh hưởng nền văn hoá Trung Hoa và sau này văn hoá Pháp, mà vẫn không mất bản sắc, vẫn là người Việt? Thực chất đó đã thúc đẩy lòng yêu nước của toàn dân, trí thức cũng như người nông dân thất học đứng dậy chống xâm lăng mỗi khi có ngoại xâm, nuôi ý chí muốn giữ bản sắc Việt của mình. Như vậy, trên những tiêu chuẩn này, những người lãnh đạo quốc gia từ hơn ba thập niên có nghĩ là họ đại diện trung thực cho lý tưởng đó không? Hoặc đã làm gì để quy tụ ý chí nói trên? Nếu chỉ xét trên căn bản này thì những thành phần thiên tả hay cộng sản trong thời gian tranh đấu giành độc lập có phải là những người theo đuổi chủ nghĩa quốc gia không? Vì vậy, chủ nghĩa quốc gia chân chính không thể thiếu được quan điểm tự do, dân chủ. Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam đã bao lần đóng góp cho những cuộc chiến tranh giành độc lập trong quá trình lập nước và giữ nước. Nhưng sau mỗi lần thu hồi độc lập, người dân Việt vẫn không được giải phóng trên phương diện cá nhân, trên phương diện chính trị. Lý do là dân tộc Việt Nam không có một truyền thống dân chủ.

Những người cộng sản các nước đã nhìn về Mạc Tư Khoa để tìm kinh nghiệm và chỉ thị như những tín đồ Công Giáo hướng về Vatican và tín đồ Hồi Giáo hướng về La Mecque. Cộng sản Việt Nam, không ra ngoài thông lệ. Họ áp dụng chiến thuật của cộng sản quốc tế là: *"Đảng cộng sản phải khắc sâu vào trí óc quảng đại quần chúng vô sản, bằng hành động và lời nói, tư tưởng là bất cứ một cuộc tranh chấp kinh tế hay chính trị nào, trong một thời cơ thuận lợi đều có thể biến thành nội chiến và trong tình huống đó, sứ mạng của vô sản là tiến chiếm lấy chính quyền"*, nên trong những thập niên tranh đấu giành độc lập, cướp chánh quyền, tổ chức cộng sản ngoài khẩu hiệu độc lập còn có khẩu hiệu đấu tranh cho công bằng xã hội, người cày có ruộng, tầng lớp lao động không còn bị bóc lột. Do mục tiêu chính trị và xã hội như vậy nên cán bộ của họ đã đặt hoạt động ở trong những tầng lớp nông dân và lao động thành thị, xây dựng những cơ sở vững chắc làm địa bàn rút lui khi bị đàn áp. Trong mọi trường hợp, đặc tính chủ yếu của cán bộ cộng sản là quyết tâm đạt tới mục tiêu đề ra.

Sau này, tôi nghĩ rằng nhầm lẫn lớn của giới chính khách lưu vong là nuôi dưỡng ảo tưởng có khả năng làm thay đổi hoặc lật đổ một chế độ độc tài chỉ bằng hoạt động chính trị đối lập ồn ào ở ngoại quốc, bỏ qua lãnh vực quốc nội, hay đúng hơn là không có khả năng tạo được thực lực và ảnh hưởng trong quần chúng ở quốc nội. Đồng thời họ cũng không đủ uy tín để gây được uy thế ngoại giao với các quốc gia có ảnh hưởng đến Việt Nam. Trong khi họ ở xa đất nước hàng chục ngàn cây số, bị cắt đứt với những thực tế tại chỗ, xa lạ với dân chúng và không một chút ảnh hưởng chính trị hay, nếu có, thì lại là một hình ảnh không tốt đẹp gì. Lưu vong là tự nhiên mất hết khả năng hoạt động hữu hiệu. Lập luận theo đó những người đối lập với một chế độ khi lưu vong có thể tự do tố cáo chế độ với dư luận quốc tế chỉ đúng trong một giai đoạn ngắn. Cộng sản Nga sau khi nắm chánh quyền cũng đã đầy đi lưu vong tất cả những trí thức có tầm vóc quốc tế mà họ không thủ tiêu được. Trung cộng cũng chỉ trả tự do những nhân vật đối lập nếu họ chịu lưu vong. Sau khi sự hiếu kỳ của dư luận nhạt dần thì người chính khách lưu vong bị rơi vào lãng quên, nếu những lời nói của họ không đi đôi được với hành động. Lưu vong chỉ có ý nghĩa nếu là sự tạm thời lánh mặt để tìm hậu thuẫn và đồng minh để trở lại xây dựng địa bàn hoạt động tại quốc nội. Tuy vậy, hoàn cảnh này cũng tùy thuộc nhiều ở tình trạng chính trị và ngoại giao các nước láng giềng.

Vào khoảng đầu tháng 6 -1962, khi biết chế độ Nhân Vị của ông Diệm muốn mang vụ 11-11-1960 ra xử để làm gương và áp đảo giới đối lập hồi đó, lo ngại cho số phận của các anh em đồng chí, tôi viết thư ngỏ gửi tổng thống Kennedy về trường hợp những người sắp bị đem ra xử. Thư này được đăng tải trên báo New York Times ngày 16-7-1962 và trên báo Réalités Cambodgiennes ngày 22-6-1962. Nội dung bức thư đó dịch ra tiếng Việt như sau:

" Kính thưa Tổng Thống,

Vụ án 14 sĩ quan và các nhân vật chính trị liên quan tới cuộc đảo chánh 11-11-60 sắp diễn ra nay mai tại Sài Gòn. Quyết định của ông Diệm là đưa họ ra xử trước Toà Án Quân Sự đặc biệt cũng như việc Toà Phá Án đã bác lời yêu cầu được xử trước Toà Án Quân Sự thường, có nghĩa là tổng thống VNCH đang sửa soạn một vụ tàn sát khác tiếp theo một chuỗi rất dài những tội ác khác của ông ta, những tội ác luôn luôn được nhân danh chống Cộng và vì Tự Do.

Trước việc chuẩn bị cuộc tàn sát này, nhân danh lãnh tụ vụ đảo chánh, tôi thấy có bốn phận kêu gọi tổng thống, để một lần nữa, yêu cầu tổng thống can thiệp để giải thoát những người bị xử kể trên. Tôi kêu gọi tới tổng thống, bởi lẽ chánh phủ Hoa Kỳ, do sự tham gia của nước này càng ngày càng tăng cường vào các công việc của Việt Nam, đang giữ một vai trò quyết định không thể chối cãi tại Sài Gòn.

Vậy thì đối với một cường quốc như Hoa Kỳ, đồng thời cũng là nguồn sống cùng hơi thở của chế độ Sài Gòn, chắc không khó gì mà không đòi được tự do cho hàng ngàn người, và đặc biệt là cho các sĩ quan bạn tôi mà tinh thần quốc gia không thể nào nghi ngờ được. Và chẳng, những viện trợ hùng hậu mà chánh phủ của tổng thống đã cung cấp cho ông Diệm, há không phải là một trong những vũ khí thuyết phục nhất để cứu mạng những người đã thành tâm tin tưởng vào nền dân chủ hay sao? Viện cứ rằng không can thiệp vào nội bộ một quốc gia khác, lúc này không còn ý nghĩa nữa. Vì sự can thiệp của Hoa Kỳ đã là một thực tế. Nếu như Chánh phủ Hoa Kỳ lại giả bộ quên hẳn sự hiện diện của con số 300.000 người Việt Nam - đàn ông và phụ nữ - sau các hàng giầy thếp gai của các trại tập trung, những con người bị hàm oan, thì chánh phủ

Hoa Kỳ sẽ phải chịu trách nhiệm tinh thần về những nỗi đau đớn và số phận của họ. Riêng trường hợp các sĩ quan và binh sĩ tham gia cuộc đảo chánh 11-11-60 người ta có thể nói là cộng sản và ám sát họ được không? Như bao người khác đã bị ám sát oan uổng vì bị gán cho danh từ "cộng sản", một danh từ mà họ đã từ chối không nhận vì không xứng đáng với họ chút nào. Người ta cũng không thể buộc tội họ là phản bội nền cộng hoà và nền dân chủ. Nếu họ đã đứng dậy chống lại chế độ, thì đó chính là để bảo vệ nền cộng hoà và nền dân chủ đã bị bôi nhọ

bởi một số người vô lương tâm và vô liêm sỉ. Nếu họ đã tổ chức cuộc đảo chánh, đó chính là để loại trừ bè lũ quan lại phong kiến lột dân chủ hay lột lột cộng hòa. Bè lũ ấy chính là chánh phủ hiện hữu tại VNCH. Người ta cũng không thể buộc tội họ đã chống lại một chánh phủ hợp pháp, bởi vì chánh phủ đó chỉ là sản phẩm của một cuộc bầu cử bất hợp pháp, thành công giả tạo nhờ những đe dọa và gian lận mà ai cũng biết.

Cho nên vụ xử các can nhân kể trên chỉ là vụ xử để phục vụ quyền lợi riêng tư của ông Diệm và gia đình ông ta, chỉ với tội là chống lại quyền lợi đó hoặc tội đã muốn sống như những con người tự do.

Có lẽ nào chánh phủ Hoa Kỳ, dưới quyền điều hành của tổng thống, lại để cho chánh phủ Sài Gòn kết tội những người kể trên mà không phản đối một lời nào, hoặc không can thiệp? Tôi không tin rằng việc can thiệp cho họ có nghĩa là thú nhận Hoa Kỳ đã thúc đẩy phong trào 11-11-60. Trái lại, can thiệp cho những người này Hoa Kỳ sẽ chứng minh trước thế giới là Hoa Kỳ biết nhận lãnh phần trách nhiệm của mình trong các công việc của Việt Nam và khẳng định mối quan tâm về công lý của Hoa Kỳ bằng việc cứu mạng sống những người thiện chí, chỉ có một tội duy nhất là đã muốn mưu cầu hạnh phúc cho dân tộc họ và thiết lập một nền dân chủ thật sự tại miền Nam Việt Nam.

Tôi còn có thể nói để Tổng Thống yên tâm về điểm này: không một ngoại bang nào đã giúp đỡ chúng tôi và, cũng chẳng ngoại bang nào khuyến khích chúng tôi hành động. Khi tổ chức cuộc đảo chánh đó, chúng tôi chỉ tin vào lực lượng của chúng tôi và ý chí của dân tộc chúng tôi muốn lật đổ một chế độ độc tài bỉ ổi.

Giúp cho cái gọi là công lý của ông Diệm tiếp tục con đường của nó, trong khi chắc chắn ông có thể ngăn cản được, Tổng Thống sẽ để cho những người đã tin tưởng vào Tổng Thống và thiện ý của Hoa Kỳ sẽ bị kết tội và chết oan. Tổng thống sẽ khuyến khích những tội ác che giấu dưới mặt nạ hợp pháp của ông Diệm và bè lũ, tiếp tục không ngừng tại các trại tập trung khổng lồ ở miền Nam Việt Nam. Do đó, Hoa Kỳ sẽ thành đồng lõa của những tên sát nhân và đao phủ. Nếu chánh phủ Hoa Kỳ quyết định giữ thái độ tiêu cực trong vụ này để khỏi làm phật lòng ông Diệm thì làm sao người Việt Nam lại không nghi ngờ mục tiêu có vẻ như bất vụ lợi của Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam? Người Việt Nam sau những thất vọng này, sẽ tin rằng họ không thể tìm thấy nơi người Mỹ những đồng minh, hoặc những chiến sĩ bảo vệ các nguyên tắc mà họ đã hy sinh tất cả để bảo vệ. Chịu trách nhiệm về hiện tình tại miền Nam Việt Nam, làm sao Chánh phủ Hoa Kỳ sau này không cảm thấy có trách nhiệm về các vụ tàn sát mới này? Vợ con những người sắp

bị đem ra xử đang nóng lòng chờ đợi và hy vọng vào sự can thiệp của Tổng Thống. Sự can thiệp sẽ quyết định đời sống của chồng và cha họ. Chính Tổng Thống và chỉ một mình Tổng Thống có thể làm cho họ thành những góa phụ và những trẻ mồ côi hay thành những con người sung sướng và biết ơn Tổng Thống."

Trân trọng kính chào Tổng Thống.

Trung tá Vương Văn Đông, Chủ tịch HĐCM.

Nam Vang ngày 20-6-1962."

Tờ nhật báo New York Times, ngày Thứ Hai 16 tháng Bảy năm 1962, trong bài phỏng vấn tôi do đặc phái viên Jacques Nevard thực hiện có vài đoạn như sau : "... việc trả tự do cho ông ta (V V D) được phát hiện tháng trước, khi người ta biết ông ta đã gửi một bức thư cho Tổng Thống Kennedy, yêu cầu can thiệp cho 14 sĩ quan bạn ông ta cùng các nhân vật chính trị dính líu vào cuộc đảo chánh bất thành sắp bị đưa ra Toà Án Quân Sự Đặc Biệt...Về thái độ của Hoa Kỳ, ông Đông tuyên bố là " Hoa Kỳ sẽ không tham chiến lâu dài trong một cuộc chiến tranh không tuyên chiến chống cộng sản ở miền Nam Việt Nam. Dư luận quần chúng ở Hoa Kỳ sẽ phản đối, một khi thấy không thể chiến thắng được và, dù thế nào đi nữa họ không thấy sự khác biệt giữa chế độ Diệm và cộng sản. "

Trừ phi ông Diệm bị thay thế, chắc chắn chúng ta thấy Hoa Kỳ, tìm biện pháp rút quân, sẽ làm áp lực để điều đình với cộng sản "

" Trung Tá Đông, sinh sống một cách thiếu thốn với số tiền kiếm được do công việc dạy toán và Anh ngữ cho một số con các người bạn. Ông ta sống trong một căn phòng nhỏ hẹp với người vợ, đã trốn lên với chồng ở trong trại giam một năm trước đây. Hai vợ chồng có 4 đứa con từ 2 đến 7 tuổi, để lại cho bố mẹ trông nom. Ông ta cho biết là hai vợ chồng không được tin tức nào của các con cũng như của cha mẹ " (xem phóng ảnh)

Đến ngày 10-7-1963 khi vụ án các quân nhân và dân sự đã kết thúc, trong lúc tôi bị trục xuất khỏi nước Pháp thì thiếu tá Nguyễn Huy Lợi ở Nam Vang đã nhân danh là nhân viên của HĐCM 11-11-60, thay mặt tôi gửi thư ngỏ đến các quốc gia, các hiệp hội và các nhân vật yêu chuộng Tự Do và Công Lý trên thế giới để phản đối và tố cáo những bản án tàn ác do thứ công lý của một chế độ độc tài đối với những người tham gia đảo chánh. Bức thư ngỏ đã được các báo tiếng Pháp và tiếng Miên đăng tải rộng rãi tại Nam Vang.

Trong thời gian bị giữ không có tự do nhưng tôi cũng đã tìm được cách gửi một bức thư cho Hội Luật Gia Quốc Tế ở Genève để yêu cầu họ chú ý về trường hợp của luật sư Hoàng Cơ Thụy. Từ khi lưu vong, tôi không được tin gì về ông ta nên không hiểu sống chết ra sao. Sau khi chế độ của ông Diệm bị lật đổ vài ngày, ông Thụy đã liên lạc được với tôi. Ông ta cho biết là trước đó, đến Genève liên lạc với Hội Luật Gia Quốc Tế, ông Thụy có được đọc bức thư của tôi gửi cho họ nhờ tìm tin tức ông ta. Ông Thụy đã chờ tới khi ông Diệm bị lật đổ mới quan tâm đến việc liên lạc lại với tôi. Và tôi đã can thiệp và bảo đảm với toà đại sứ Việt Nam ở Paris để họ cấp chiếu khán cho ông ta về Việt Nam. Sau này, trong suốt thời gian lưu vong từ 1964 thì ông Thụy cũng không có một liên lạc gì với tôi. Cho mãi đến năm 1996, một người bạn mời ăn cơm ở một tiệm Việt Nam, tình cờ tôi mới lại gặp lại ông Thụy. Phải thành thật nói rằng trong giai đoạn nói trên, vì nhiều lý do nên một vài anh em cũng ngần ngại liên lạc với tôi. Trường hợp này cũng là điều thường tình của cuộc đời.